TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUÂN TRƯỜNG** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2019/HS -ST
Ngày:30 - 12 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Ngọc Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Thế Quang

Ông Lê Văn Hùng

- Thư ký phiên toà: bà Nguyễn Thị Thanh Xuân – Thư ký Toà án nhân dân huyện Xuân Trường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên toà: ông Đỗ văn Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 59/2019/TLST-HS ngày 02 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2019/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 12 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Trần Đức P – Sinh ngày 06/5/1980.

Nơi cư trú: xóm 10, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định. Nghề nghiệp: Làm ruộng. Trình độ văn hóa: 02/12. Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không. Con ông Trần Văn S, sinh năm 1941(đã chết); con bà Trần Thị Đ, sinh năm 1951.Bị cáo có vợ là Bùi Thị T, sinh năm 1979, có 4 con, con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2018. Tiền án: 19/3/2012 bị TAND huyện Xuân Trường xử phạt 7 năm 6 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy; chấp hành án xong ngày 28/8/2017. Tiền sự: Không. Nhân thân: ngày 24/11/2006 TAND huyện Xuân Trường xử phạt 5 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Bị cáo đầu thú và bị tạm giữ từ ngày 19/9/2019 đến 22/9/2019 chuyển tạm giam. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Vũ Minh T – sinh ngày 04/6/1980

Nơi cư trú: xóm 8, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định. Nghề nghiệp: Làm ruộng. Trình độ văn hóa: 7/12. Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không. Con ông Vũ Ngọc T, sinh năm 1953; con bà Bùi Thị N, sinh năm 1954. Bị cáo có vợ là Hoàng Thị T, sinh năm 1982 chưa có con. Tiền án: Không. Tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 15/9/2019. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Phạm Thị M – sinh ngày 22/4/1974

Nơi cư trú: xóm 11A, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hóa: 7/12. Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không. Con ông Phạm Phi H, sinh năm 1932; con bà Phạm Thị H, sinh năm 1940 đều đã chết. Bị cáo có chồng là Vũ văn T, sinh năm 1963 có 3 con, con lớn sinh năm 1997, con nhỏ sinh năm 2006. Tiền án: Không. Tiền sự: Không.. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: ông Vũ Xuân C, sinh năm 1960

Nơi cư trú: xóm 6, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định.

(Ông C vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Ngày 26/8/2019 Trần Đức P và Vũ Minh T phát hiện chiếc xe lu của ông Vũ Xuân C buổi tối thường đỗ ở đoạn đường liên xã thuộc xóm 11, xã X không có người trông coi nên P và T bàn nhau trộm cắp ắc qui để bán lấy tiền ăn tiêu. Khoảng 2 giờ ngày 27/8/2019 P đi xe đạp màu xanh mang theo đoạn tuýp kim loại phi 21 dài 60cm, 01 thanh kim loại dạng then cửa phi 18 dài 20cm có 01 đầu bẻ cong cùng 01 kìm điện chở T đến khu vực xe lu đỗ. T cảnh giới cho P trèo lên khu vực để ắc qui bẩy khóa hộp ắc qui, dùng kìm cắt dây điện rồi cùng T khiêng hai bình ắc qui nhãn hiệu ES-N150 đặt lên xe đạp; T giữ bình, Phú dắt xe đem đến cửa hàng thu mua phế liệu của Phạm Thị M xóm 11A, xã X để bán. Lúc này là khoảng 3 giờ đêm. P và T gọi M dậy mở cửa và bảo vừa trộm cắp được 2 chiếc ắc qui tại X muốn bán. Biết là tài sản trộm cắp nhưng hám lợi nên M nhất trí mua với giá 1.260.000đồng/2 bình. P và T đồng ý bán và khiêng vào nhà cho M. P và T ăn tiêu hết còn lại 150.000 đồng P quản lý. Ông C báo mất tài sản, cơ quan điều tra Công an huyện Xuân Trường đã xác minh. Ngày 28/8/2019 đã thu của P 01 xe đạp, 01 đoạn tuýp sắt phi 21, 01 đoạn sắt phi 18, 01 kìm điện, 150.000đồng tiền Việt nam đồng. Phạm Thị M đã giao nộp 2 bình ắc qui đã mua của P và T. Ngày 30/8/2019 Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự của huyện Xuân Trường đã xác định giá trị 2 bình ắc qui là 2.400.000đồng.

Cáo trạng số 62/CT-VKS ngày 29/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định truy tố Trần Đức P và Vũ Minh T về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 điều 173 Bộ luật Hình sự. Truy tố Phạm Thị M về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố như bản cáo trạng và đề nghị tuyên bố Trần Đức P và Vũ Minh T phạm tội Trộm cắp tài sản. Phạm Thị M phạm tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Áp dụng khoản 1 điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự xử phạt Trần Đức P từ 15 tháng tù đến 18 tháng tù. Áp dụng khoản 1 điều 173; điểm s, điểm i khoản 1; khoản 2 điều 51Bộ luật Hình sự xử phạt Vũ Minh T từ 9 tháng tù đến 12 tháng tù. Áp dụng khoản 1 điều 323; điểm s , điểm i khoản 1 điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt Phạm Thị M từ 9 tháng tù đến 12 tháng tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng. Giao Phạm Thị M cho UBND xã X giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Áp dụng Điều 47 BLHS và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu cho tiêu hủy 01đoạn tuýp phi 21, 01 thanh sắt phi 18, 01 kìm điện. Truy thu của Trần Đức P 555.000đồng và Vũ Minh T 555.000đồng sung ngân sách Nhà nước cùng số tiền 150.000đồng đã thu của P.Trả lại Trần Đức P chiếc xe đạp nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án. (đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng tại thi hành án dân sự huyện Xuân Trường ngày 10/12/2019).Miễn phạt tiền đối với các bị cáo.

Trong quá trình tranh luận tại phiên tòa Kiểm sát viên, các bị cáo không ai có ý kiến gì thêm đối với bài luận tội của Viện kiểm sát. Các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo vì các bị cáo đã nhận thức rõ sai phạm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Xuân Trường, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, bị hại không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên toà các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo tại phiên toà là hoàn toàn phù hợp với các chứng cứ khác

như: Biên bản khám nghiệm hiện trường hồi 9 giờ 30 phút ngày 27/8/2019. Kết luận định giá tài sản số 21/KL-HĐĐG ngày 30/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Xuân Trường; Lời khai của bị hại Vũ Xuân C. Từ các chứng cứ trên đã đủ cơ sở kết luận Trần Đức P và Vũ Minh T có hành vi lợi dụng chủ xe không trông coi đã trộm cắp 02 bình ắc qui xe lu của ông Vũ Xuân C vào khoảng 2 giờ đêm 27/8/2019 bán cho Phạm thị M tại xóm 11A, xã X vào 3 giờ đêm cùng ngày. Phạm Thị M biết rõ tài sản do trộm cắp mà có nhưng vẫn mua. Hành vi của bị cáo Trần Đức P và Vũ Minh T đã phạm tội Trộm cắp tài sản được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015. Hành vi của Phạm Thị M đã phạm tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự 2015. Hành vi phạm tội của các bị cáo là hết sức nguy hiểm. Không những đã xâm hại tới quyền sở hữu tài sản của công dân đang được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây sự lo âu hoang mang trong nhân dân trong việc quản lý tài sản của mình.

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: tại Cơ quan Điều tra cũng như tại phiên toà các bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ điểm s khoản 1Điều 51 BLHS. Bị cáo T và M chưa có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo P đầu thú, bố đẻ là thương binh và bị cáo T có bố đẻ là thương binh nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo P phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này là tái phạm nên phải chịu tình tiết tăng nặng tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS.

Sau khi xem xét các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ và nhân thân từng bị cáo Hội đồng xét xử thấy cần cách ly khỏi xã hội một thời gian với Trần Đức P và Vũ Minh T để các bị cáo cải tạo thành công dân có ích. Đối với Phạm Thị M chỉ cần phạt tù cho hưởng án treo kèm theo thời gian thử thách, giao cho chính quyền xã X giám sát giáo dục cũng là thỏa đáng, thể hiện sự nhân đạo khoan hồng của pháp luật.

[4]. Về trách nhiệm dân sự và Tang vật của vụ án: Tịch thu cho tiêu hủy 01đoạn tuýp phi 21, 01 thanh sắt phi 18, 01 kìm điện vì đây là phương tiện phạm tội. Số tiền 1.260.000đồng bị cáo M dùng mua ắc quy dù biết là tài sản trộm cắp sẽ tịch thu sung Ngân sách Nhà nước. Tuy nhiên P và T đã ăn tiêu hết 1.110.000đ cho nên sẽ truy thu của hai bị cáo này mỗi bị cáo 555.000đồng cùng với tịch thu số tiền 150.000đồng còn lạiđã thu của P để sung Ngân sách Nhà nước. Trả lại Trần Đức P chiếc xe đạp nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án (đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng tại thi hành án dân sự huyện Xuân Trường ngày 10/12/2019).

[5]. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo P và T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[6]. Trong quá trình điều tra các bị cáo khai nhận trước đó ngày 05/8/2019 có trộm cắp 2 ắc quy GS-N100 của anh Trần Đình B trị giá 1.400.000đồng bán cho Phạm thị Minh được 800.000đồng để ăn tiêu. Cơ quan điều tra đã thu hồi trả cho anh Bảo, xét hành vi của các bị cáo chưa đến mức xử lý hình sự nên đã xử lý hành chính với P, T, M. Vì vậy không đặt ra xem xét trong vụ án này nữa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1,khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52Bộ luật Hình sự:

- Tuyên bố Trần Đức P phạm tội Trộm cắp tài sản.
- Xử phạt Trần Đức P 15 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/9/2019.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s, điểm i khoản 1; khoản 2 Điều 51Bộ luật Hình sự:

- Tuyên bố Vũ Minh T phạm tội Trộm cắp tài sản.
- Xử phạt Vũ Minh T 07 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/9/2019.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm s, điểm i khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự:

- Tuyên bố Phạm Thị M phạm tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.
- Xử phạt Phạm Thị M 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm(30/12/2019).
- Giao bị cáo M cho UBND xã X giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 69 Luật thi hành án hình sự.

4. Áp dụng Điều 47 BLHS và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu cho tiêu hủy 01đoạn tuýp phi 21, 01 thanh sắt phi 18, 01 kìm điện. Truy thu đối với Trần Đức P 555.000đồng, với Vũ Minh T 555.000đồng và tịch thu số tiền 150.000đồng đã thu của P để sung Ngân sách Nhà nước.Trả lại Trần Đức P chiếc xe đạp nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án. (đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng tại thi hành án dân sự huyện Xuân Trường ngày 10/12/2019).

5. Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Trần Đức P và Vũ Minh T phải nộp mỗi bị cáo 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Vũ Xuân C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh+huyện;
- Chi cục THADS huyện Xuân Trường;
- Công an huyện Xuân Trường;
- UBND xã Xuân Trung;
- UBND xã X;
- Các bị cáo; Bị hại;
- Lưu HS+VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Ngọc Quỳnh